

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:26/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2021
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Bà Hà Thị Thoan;
- 2- Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên toà: Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lục Thị B** 39 tuổi

Địa chỉ: Thôn P- xã VL- huyện L- tỉnh Y.

Bị đơn: Anh **Lê Văn Th** 39 tuổi

Địa chỉ: Thôn Tr- xã MT- huyện L- tỉnh Y.

Người giám hộ cho bị đơn: Ông Lê Văn G 70 tuổi (Là bố đẻ anh Lê Văn Th). Địa chỉ: Thôn Tr- xã MT- huyện L- tỉnh Y

Cả nguyên đơn và người giám hộ cho bị đơn đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13-01-2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lục Thị B trình bày: Chị và anh Lê Văn Th về sống chung với nhau như vợ chồng năm 2008 không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Th nghiện rượu, không chịu làm ăn, hay đánh đập chị; gia đình hai bên giải quyết nhưng anh Th không thay đổi. Đến năm 2013 mâu thuẫn trở nên gắt gỏng nên chị bỏ về bên ngoại, hai người sống ly thân từ đó. Do nghiện rượu đã lâu nên anh Th thần kinh không được ổn định. Xác định không

thể chung sống lâu dài chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh Th có một cháu là Lê Đức T sinh ngày 03-2-2009; khi ly hôn chị đề cháu cho anh Th và ông bà nội trông nom, chăm sóc; chị sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có.

Trong biên bản lấy lời khai, người giám hộ cho bị đơn là ông Lê Văn G- bố đẻ anh Lê Văn Th trình bày: Chị B và anh Th về chung sống với nhau năm 2008 không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh chị sống cùng bố mẹ tại thôn Tr- xã MT- huyện L. Thời gian chung sống do không hợp nhau nên năm 2013 chị B bỏ về bên ngoại tại thôn P- xã VL. Do nghiện rượu từ lâu nên anh Th thần kinh không được ổn định, gia đình đã chạy chữa thuốc thang nhiều năm nhưng không khỏi. Do anh Th sức khoẻ yếu, không thể đi lại được nên ông là người giám hộ trong việc giải quyết vụ án. Thời gian chung sống anh Th và chị B có một con chung là Lê Đức T sinh ngày 03-2-2009; anh Th- chị B ly hôn ông sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu T và yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1 triệu đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Th- chị B không có tài sản gì chung, không nợ của ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lục Thị B và anh Lê Văn Th; giao cháu Lê Đức T cho anh Lê Văn Th và ông Lê Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật ...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Lục Thị B và anh Lê Văn Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Cả chị Lục Thị B và ông Lê Văn G đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và người giám hộ cho bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Lục Thị B và anh Lê Văn Th về sống chung với nhau như vợ chồng năm 2008 không đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Do nhiều nguyên nhân, chị B xác định không thể chung sống lâu dài nên đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiến bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...”; “Trong trường hợp không đăng ký kết

hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng... ”. Thực tế trong vụ án này chị Lục Thị B và anh Lê Văn Th về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần phải áp dụng những quy định trên đây để tuyên bố chị B và anh Th không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Lục Thị B và anh Lê Văn Th có một cháu là Lê Đức T sinh ngày 03-02-2009. Quá trình giải quyết vụ án người giám hộ cho bị đơn đề nghị được nuôi cháu T và yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị Lục Thị B nhất trí với yêu cầu trên. Xét quan điểm của chị B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu T cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung; công nợ chung: Chị B xác định không có.

[5] Về án phí: Chị Lục Thị B phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lục Thị B và anh Lê Văn Th.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cháu Lê Đức T sinh ngày 03-02-2009 cho anh Lê Văn Th và ông Lê Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lục Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lục Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng. Xác nhận chị B đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0008452 ngày 13-01-2021, số tiền chị B còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn; người giám hộ cho bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô